

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 29/H3/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá trị vật tư thu hồi đối với hạng mục tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt hệ thống điện của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa thuộc dự án Nút giao thông Ngọc Hội- Đường 23/10, thành phố Nha Trang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 về việc sửa đổi, bổ sung bản Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 và Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Văn bản số 607/SCT-QLNL ngày 04/5/2019 và văn bản số 1194/SCT-QLNL ngày 15/8/2019 của Sở Công Thương về việc thông báo kết quả thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán Hạng mục: Tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt hệ thống điện của Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa thuộc công trình: Nút Giao thông Ngọc Hội đường 23/10, thành phố Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 và Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa điều chỉnh Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt phương án bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt hệ thống điện của Công ty Cổ phần



Điện lực Khánh Hòa thuộc dự án Nút giao thông Ngọc Hội – Đường 23/10, thành phố Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-TTPTQĐ ngày 09/10/2020 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng để xác định giá trị tài sản thanh lý là vật tư thu hồi của hạng mục tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt hệ thống điện của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa, thuộc dự án Nút giao thông Ngọc Hội – Đường 23/10, thành phố Nha Trang;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng ngày 22/10/2020 về việc Xác định giá trị tài sản thanh lý là vật tư thu hồi đối với hạng mục tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt hệ thống điện của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa thuộc dự án Nút giao thông Ngọc Hội – Đường 23/10, thành phố Nha Trang;

Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa tại Tờ trình số 657/TTr-TTPTQĐ ngày 23/10/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị vật tư thu hồi của hạng mục tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt hệ thống điện của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa thuộc dự án Nút giao thông Ngọc Hội - Đường 23/10, thành phố Nha Trang là: **304.175.765 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm lẻ bốn triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi lăm đồng).
(Chi tiết như Phụ lục đính kèm)

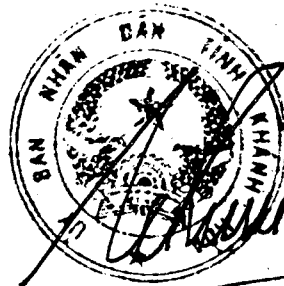
Điều 2. Giá trị vật tư thu hồi ghi tại Điều 1 Quyết định này là cơ sở để Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa tổ chức thanh lý tài sản theo đúng quy định hiện hành. Giá trị vật tư thu hồi được ghi giảm chi phí bồi thường, hỗ trợ tài sản của dự án.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa; Chủ tịch UBND thành phố Nha Trang; Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa, Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận: *NH*

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HM, KN, VC, CN, TV. 20

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hữu Hoàng



PHỤ LỤC
BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ VẬT TƯ THU HỒI
(Kèm theo Quyết định số: 2943/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

1. Hệ thống lưới điện Nhánh N2 - Khu tái định cư 1 và 2:

STT	TÊN THIẾT BỊ, VẬT TƯ	MÃ HIỆU, Q.C	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG DÂY (Kg/Km)	KHỐI LƯỢNG XÀ HOẶC CỘT (Kg/bộ)	TỔNG KHỐI LƯỢNG (Kg)	TỈ LỆ THU HỒI	ĐƠN GIÁ (đ)	TỶ LỆ CHẤT LƯỢNG CÒN LẠI (%)	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1.	Đường dây trung áp & TBA											
a.	Thiết bị, vật liệu điện											
1	Dây nhôm lõi thép	AC-150	Mét	912	554		505,25	1	78.300	10%	3.956.092	
2	Cáp ngầm lõi nhôm 3A/XLPE/PVC/DSTA/PVC-300	3A/XLPE/PVC/DSTA/PVC-300	Mét	45				1	298.800	10%	1.344.600	
3	Chống sét van 18kV	Hiện có	Cái	3				-	-	0%		Không sử dụng lại
4	Sứ đỡ dây 24kV	Hiện có	Cái	7				-	-	0%	-	Không sử dụng lại
5	Dao cách ly 24kV	Hiện có	Bộ	1				-	18.000.000	5%	900.000	Sét, ri, công nghệ cũ
b.	Cấu kiện xây dựng											
1	Cột BTLT 14m	LT-14	Cột	3				0,7	5.527.273	10%	1.160.727	Bị san nền lấp đất chỉ còn khoảng 9m. Chặt góc
2	Cột BTLT 16m	LT-16	Cột	2				0,7	15.922.727	10%	2.229.182	Bị san nền lấp đất chỉ còn khoảng 11m. Chặt góc
3	Xà néo góc	Hiện có	Bộ	5		40,06	200,30	1	28.000	10%	560.840	Sét, ri, công nghệ cũ
4	Xà dao cách ly	Hiện có	Bộ	1		56,64	56,64	1	28.000	10%	158.592	Sét, ri, công nghệ cũ
	TỔNG CỘNG										10.310.033	

Bảng chữ: Mười triệu ba trăm mười ngàn không trăm ba mươi ba đồng

2. Hệ thống lưới điện đường 23/10:

STT	TÊN THIẾT BỊ, VẬT TƯ	MÃ HIỆU, Q.C	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG DÂY (Kg/Km)	KHỐI LƯỢNG XÀ HOẶC CỘT (Kg/bộ)	TỔNG KHỐI LƯỢNG (Kg)	TỈ LỆ THU HỒI	ĐƠN GIÁ (đ)	TỶ LỆ CHẤT LƯỢNG CÒN LẠI (%)	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1.	Đường dây trung áp & TBA											
a.	Thiết bị, vật liệu điện											
1	Dây nhôm bọc cách điện	AWBCC-70	Mét	30			-	1	37.730	10%	113.190	
2	Dây nhôm bọc cách điện	AWBCC-185	Mét	4260			-	1	89.270	10%	38.029.020	
3	Cáp ngầm 24kV, 3 pha, lõi đồng, bọc XLPE 12,7/22(24)kV	C/XLPE/PVC/D STA/PVC 3x50mm2	Mét	57			-	1	389.000	12%	2.660.760	Dây nhiều đoạn
4	Cáp ngầm 24kV, 3 pha, lõi đồng, bọc XLPE 12,7/22(24)kV	C/XLPE/PVC/D STA/PVC 3x120mm2	Mét	55			-	1	1.391.600	12%	9.184.560	Dây nhiều đoạn
5	Cáp ngầm 24kV, 3 pha, lõi đồng, bọc XLPE 12,7/22(24)kV	C/XLPE/PVC/D STA/PVC 3x185mm2	Mét	32			-	1	1.442.000	12%	5.537.280	Dây nhiều đoạn
6	Cáp ngầm 24kV, 1 pha, lõi nhôm, bọc XLPE 12,7/22(24)kV	A/XLPE/PVC/DATA/PVC 150mm2	Mét	690			-	1	213.400	10%	14.724.600	
7	Sứ đỡ dây 24kV	Pin Post	Cái	113	-	-	-		-	0%	-	Không sử dụng lại
8	Chống sét van	18kA-10kA	Cái	12	-	-	-		-	0%	-	Không sử dụng lại
9	Cầu chì tự rơi 24kV	Hiện có	Cái	3	-	-	-		-	0%	-	Không sử dụng lại
10	Dao cách ly 3 pha 24kV polymer, lưỡi chém đứng kèm giá đỡ và cần thao tác trọn bộ	Hiện có	Bộ	1					18.000.000	20%	3.600.000	
11	Dao cách ly 3 pha 24kV, lưỡi chém xiên kèm giá đỡ và cần thao tác trọn bộ	Hiện có	Bộ	1					18.000.000	5%	900.000	Sét, ri, công nghệ cũ



12	Dao cách ly 3 pha 24kV, lưới chêm ngang kèm giá đỡ và cần thao tác trọn bộ	Hiện có	Bộ	1					18.000.000	5%	900.000	Sét, ri, công nghệ cũ
b.	Cấu kiện xây dựng											
1	Cột BTLT 14m	LT-14	Cột	18			0,7	5.527.273	10%	6.964.364	Chặt gốc	
2	Cột thép 14m N22-1	Hiện có	Cột	1	2801,23	2.801,23	1,0	28.000	30%	23.530.332	Theo giá dự toán	
3	Cột thép CS-12,1C	Hiện có	Cột	2	2289,59	4.579,18	1,0	28.000	30%	38.465.112	Theo giá dự toán	
4	Cột thép CS-10A	Hiện có	Cột	3	1730,8	5.192,40	1,0	28.000	30%	43.616.160	Theo giá dự toán	
5	Xà đỡ thẳng	Hiện có	Bộ	34	17,4	591,60	1	28.000	10%	1.656.480	Theo DT Sét, ri, công nghệ cũ	
6	Xà néo góc	Hiện có	Bộ	14	40,06	560,84	1	28.000	10%	1.570.352	Theo DT Sét, ri, công nghệ cũ	
7	Xà dao cách ly	Hiện có	Bộ	3	56,64	169,92	1	28.000	10%	475.776	Theo DT Sét, ri, công nghệ cũ	
8	Xà lắp CSV	Hiện có	Bộ	4	10,58	42,32	1	28.000	10%	118.496	Theo DT Sét, ri, công nghệ cũ	
2.	Trạm biến áp											
a.	Thiết bị, vật liệu điện											
1	MBA lực 3 pha	400kVA 22±2x2,5%/0,4kV	Máy	1			1	249.141.000	30%	74.742.300		
2	Chống sét van	18kA-10kA	Cái	3					0%		Không sử dụng lại	
3	Cáp bọc cách điện PVC/PVC 0,6/1KV	CVV-240	Mét	21			1	581.000	12%	1.464.120	Dây nhiều đoạn	
4	Cáp bọc cách điện PVC/PVC 0,6/1KV	CVV-150	Mét	7			1	356.000	12%	299.040	Dây nhiều đoạn	
5	Cáp bọc cách điện PVC/PVC 0,6/1KV	CV-95	Mét	42			1	230.100	12%	1.159.704	Dây nhiều đoạn	
6	Cáp bọc cách điện PVC/PVC 0,6/1KV	CV-50	Mét	14			1	112.800	12%	189.504	Dây nhiều đoạn	

7	Cáp nhôm xoắn bọc cách điện PVC-0,6/1kV	LVABC-4x150	Mét	42				1	195.400	10%	820.680	Dây nhiều đoạn
b.	Cấu kiện xây dựng											
1	Xà FCO trạm biến áp		Bộ	1		22,05	22,05	1	28.000	10%	61.740	Sét, ri, công nghệ cũ
2	Xà lắp máy biến áp		Bộ	1		96,3	96,30	1	28.000	10%	269.640	Sét, ri, công nghệ cũ
3	Xà tủ điện trạm biến áp		Bộ	1		20,35	20,35	1	28.000	10%	56.980	Sét, ri, công nghệ cũ
3	Đường dây hạ áp											
a.	Thiết bị, vật liệu điện											
1	Dây đồng trần	M-22	Mét	392	197			1	255.500	12%	2.367.688	Dây nhiều đoạn
2	Dây đồng bọc cách điện	CV30/10	Mét	96				1	15.150	12%	174.528	Dây nhiều đoạn
3	Dây nhôm bọc cách điện	AV-50	Mét	58				1	15.737	10%	91.276	Dây nhiều đoạn
4	Dây nhôm bọc cách điện	AV-70	Mét	232				1	22.400	10%	519.680	Dây nhiều đoạn
5	Dây nhôm bọc cách điện	AV-95	Mét	360				1	30.500	10%	1.098.000	Dây nhiều đoạn
6	Dây nhôm bọc cách điện	AV-120	Mét	1080				1	37.000	10%	3.996.000	Dây nhiều đoạn
7	Dây nhôm xoắn bọc cách điện	LVABC-4x50	Mét	31				1	62.155	10%	192.679	Dây nhiều đoạn
8	Dây nhôm xoắn bọc cách điện	LVABC-4x150	Mét	335				1	195.400	10%	6.545.900	Dây nhiều đoạn
9	Hộp chia dây	Hiện có	Cái	2						0%		Không sử dụng lại
b	Cấu kiện xây dựng											
1	Cột thép hạ áp		Cột	1		595,86	595,86	1,0	28.000	30%	5.005.224	
2	Cột BTLT 8,4m	LT-8,4	Cột	17				0,7	1.749.091	4%	832.567	Chặt góc
3	Cột BTLT 10,5m	LT-10,5	Cột	11				0,7	2.509.091	10%	1.932.000	Chặt góc
											293.865.732	
TỔNG CỘNG												
Bảng chữ : Hai trăm chín mươi ba triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm ba mươi hai đồng. 